

Bản án số: **18/2022/HSST**
Ngày 27 tháng 4 năm 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Việt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Vĩnh Thái

Bà Phạm Thị Thanh Tân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên tòa: Bà Đào Thúy Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh P, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự vụ án thụ lý số 03/2022/TLST-HS ngày 14 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 03 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Lê Th**, sinh ngày 25/7/1992; giới tính: Nữ; tên gọi khác: Mai; Nơi sinh: tỉnh P; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 1, xã Sóc Đ, Hện Đoàn H, tỉnh P; Nơi ở: Đang là phạm nhân phân trại số 5 Trại giam Tân Lập; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Lê Văn S (đã chết); Mẹ đẻ: Nguyễn Thị Th, sinh năm 1974; Chồng: Phạm Minh T, sinh năm 1984; Con: Phạm Minh T, sinh năm 2009; Anh, chị, em ruột: Gia đình có 3 chị em, bị cáo là con thứ nhất;

Tiền án: 01 tiền án, tại Bản án số 42/2019/HSST ngày 02/7/2019, Tòa án nhân dân Hện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang xử phạt Lê Lê Th 2 năm 3 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Vận chuyển hàng cấm", thời gian thử thách 4 năm 6 tháng tính từ ngày 02/7/2019, phạt bổ sung 10.000.000 đồng, (phạm tội ngày 05/01/2019).

Tại Bản án số 26/2020/HS-ST ngày 28/5/2020, Tòa án nhân dân Hện Đoàn H, tỉnh P xử phạt Lê Lê Th 9 năm tù về tội "Buôn bán hàng cấm". Tổng hợp với hình phạt 2 năm 3 tháng tù và phạt bổ sung 10.000.000 đồng tại Bản án số 42 ngày 02/7/2019, buộc Lê Lê Th phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 11 năm 3 tháng tù và phạt bổ sung 10.000.000 đồng. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm

giam 26/02/2020, trừ thời gian bị tạm giữ trong vụ án trước từ ngày 06/01/2019 đến ngày 09/01/2019. (Phạm tội ngày 08/8/2019).

Tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 03/02/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh P. (Có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: **Nguyễn Cát T**, sinh ngày 29/7/1988; giới tính: Nam; tên gọi khác: Không; nơi sinh: thành phố Hà N; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú + chỗ ở: Tổ 5, phường Sài Đồng, quận Long B, thành phố Hà N; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Nguyễn Cát U, sinh năm 1950; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị N, sinh năm 1951; Vợ 2: Đào Thanh T, sinh năm 1993; Con: Có 2 con, con lớn sinh năm 2003 (con chung với vợ cả), hiện ở với mẹ ở xã Đa Tốn, Hện Gia L, thành phố Hà N; nhỏ sinh năm 2021 (con chung với vợ 2), hiện ở với mẹ ở phường Sài Đồng, quận Long B, thành phố Hà N; Anh, chị, em ruột: Bị cáo là con duy nhất;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/01/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh P. (Có mặt tại phiên tòa).

** Người bị hại:*

Chị Nguyễn Quỳnh Nh, sinh năm 1995; Địa chỉ: Khu 11, xã Ngọc Quan, Hện Đoan H, tỉnh P. (Có mặt tại phiên tòa).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Trần Thị Phương Tr, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số nhà 23, tổ 6, khu 6, Phường Cẩm Th, thành phố Cẩm P, tỉnh Quảng N. (Vắng mặt tại phiên tòa).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Trần Thị Phương Tr:

- Ông Bùi Duy Th - Luật sư Văn phòng luật sư Lưu Đức Q - Đoàn luật sư tỉnh Quảng N; Địa chỉ: Số 398 thôn 12, xã Hiệp Hòa, thị xã Quảng Y, tỉnh Quảng N. (Vắng mặt tại phiên tòa).

- Bà Hoàng Thị L - Luật sư Công ty luật TNHH Tiến Đ - Đoàn luật sư tỉnh Quảng N; Địa chỉ: Số 431, phường Quang Trung, thành phố Uông B, tỉnh Quảng N. (Vắng mặt tại phiên tòa).

2. Anh Trần Văn M, sinh năm 1960; Địa chỉ: Khu 11, xã Ngọc Q, Hện Đoan H, tỉnh P. (Vắng mặt tại phiên tòa).

3. Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1959; Địa chỉ: Khu 11, xã Ngọc Q, Hện Đoan H, tỉnh P. (Vắng mặt tại phiên tòa).

4. Chị Cao Thị Trà M, sinh năm 1974; Địa chỉ: Thôn Vân Cương 2, xã Hợp N, Hện Đoan H, tỉnh P. (Có mặt tại phiên tòa).

5. Anh Phan Văn T, sinh năm 1991; Địa chỉ: Khu 1, Xã Ngọc Q, Hện Đoan H, tỉnh P. (Vắng mặt tại phiên tòa).

6. Chị Đào Thanh T, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn Phúc Thọ, xã Mai L, Hện Đông A, thành phố Hà N. (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 10/2019, do có mối quan hệ quen biết với Lê Lê Th, sinh năm 1992, ở xã Sóc Đ, Hện Đoan H, tỉnh P nên chị Nguyễn Quỳnh Nh, sinh năm 1995, ở xã Ngọc Quan, Hện Đoan H có tâm sự với Th về việc chồng mình là anh Trần Lê H, sinh năm 1991 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Cao B khởi tố, bắt, giữ, giam về tội “Buôn bán hàng cấm” và nhờ Th chạy án, tức là xin tại ngoại, giảm nhẹ hình phạt, hoãn và miễn thi hành án cho anh H. Th đồng ý. Sau đó, Th liên hệ với người quen là chị Trần Thị Phương Tr, sinh năm 1989 ở phường Cẩm P, thành phố Cẩm P, tỉnh Quảng N là Phó Giám đốc công ty Luật TNHHMTV Khởi B (gọi tắt là công ty Luật Khởi B), địa chỉ ở khu 3, phường Trung Vương, thành phố Uông B, tỉnh Quảng N, theo Th khai là để nhờ chạy án. Chị Tr đồng ý và yêu cầu Th phải đưa số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

Lê Lê Th liên hệ với chị Nguyễn Quỳnh Nh, yêu cầu chị Như đưa số tiền 1.100.000.000 đồng và hứa sẽ xin cho anh H được tại ngoại, đến lúc xét xử sẽ xin giảm án được từ 4 năm đến 5 năm tù, sau đó xin hoãn thi hành án, trong quá trình hoãn sẽ xin miễn thi hành án cho anh H, anh H sẽ không phải ngồi tù. Chị Như không đồng ý vì không có tiền. Th nói nếu không xin cho anh H tại ngoại thì chỉ phải lo số tiền 900.000.000 đồng và đưa trước 500.000.000 đồng, số tiền còn lại phải lo đủ trước khi xét xử. Chị Như đồng ý.

Th mượn số tài khoản 19032126192010 của Nguyễn Cát T- sinh năm 1988, ở phường Sài Đồng, quận Long B, thành phố Hà N, tại Ngân hàng Techcombank chi nhánh phường Sài Đồng và tài khoản của em gái là Lê Thị Hằng Ng, sinh năm 1993, ở xã Ngọc Quan, huyện Đoan H, để gia đình nhà chị Nh chuyển tiền.

Trong khoảng thời gian từ ngày 31/10/2019 đến ngày 18/12/2019, gia đình chị Như đã 07 lần chuyển tiền cho Lê Lê Th với tổng số tiền 730.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 31/10/2019, gia đình chị Nh nhờ anh Phạm Minh T, sinh năm 1984, ở xã Sóc Đ, Hện Đoan H, tỉnh P là chồng của Th chuyển khoản số tiền 150.000.000 đồng từ Ngân hàng Liên Việt Post bank đến số tài khoản của Th, ghi nội dung chuyển khoản là “PHAM MINH TUAN CHEN TIEN”.

Lần 2: Ngày 01/11/2019, chị Nguyễn Quỳnh Nh chuyển khoản số tiền 80.000.000 đồng từ Ngân hàng bưu điện Liên Việt đến số tài khoản 44010000561416 mở tại Ngân hàng BIDV chi nhánh tỉnh Quảng N mang tên Trần

Thị Phương Tr, ghi nội dung chuyển khoản là “NGUYEN QUYNH NHU CHEN TIEN”.

Lần 3: Ngày 01/11/2019, chị Như nhờ chị Kim Thanh D, sinh năm 1993, ở khu Đồng Tâm, thị trấn Đuan H, huyện Đuan H chuyển khoản số tiền 100.000.000 đồng từ số tài khoản 19029586672011 mở tại Ngân hàng Techcombank của chị D đến số tài khoản của Thành, ghi nội dung chuyển khoản là “Nguoi nha Tran Le H ct”. Chị Nh đưa tiền mặt trả cho chị D.

Lần 4: Ngày 12/11/2019, ông Trần Văn M, sinh năm 1960, ở xã Ngọc Quan, Hện Đuan H, là bố đẻ của anh H chuyển khoản số tiền 150.000.000 đồng từ tài khoản 42810000086007, Ngân hàng Liên Việt Post bank của ông đến số tài khoản của Th, ghi nội dung chuyển khoản “TRAN VAN MINH CHEN TIEN CHO TRAN LE H”.

Lần 5: Ngày 18/11/2019, ông Trần Văn M tiếp tục chuyển khoản số tiền 150.000.000 đồng từ tài khoản của mình đến số tài khoản của Th, ghi nội dung chuyển khoản “B/O TRAN VAN MINH) TRAN VAN MINH CT CHO TRAN LE H”.

Lần 6: Ngày 18/11/2019, chị Nguyễn Quỳnh Nh chuyển khoản số tiền 50.000.000 đồng từ tài khoản 42810000544578 tại Ngân hàng BIDV của chị Nh đến số tài khoản của Th, ghi nội dung chuyển khoản “Nhu ct Tran Le H”.

Lần 7: Ngày 18/12/2019, chị Nh chuyển khoản số tiền 47.750.000 đồng từ số tài khoản BIDV của mình đến số tài khoản 42810000557965 ngân hàng BIDV mang tên Lê Thị Hằng Ng, ghi nội dung chuyển khoản “NGUYEN QUYNH NHU Chuyen tien”. Ngoài ra, Nh còn đưa trực tiếp cho Th 2.250.000 đồng, tổng của lần 7 là 50.000.000 đồng.

Tổng 7 lần chuyển tiền, gia đình chị Nh đã chuyển theo yêu cầu của Th, với tổng số tiền là 730.000.000 đồng, trong đó: Chuyển khoản cho Th 600.000.000 đồng, chuyển khoản cho Ng 47.750.000 đồng, đưa trực tiếp cho Nh số tiền 2.250.000 đồng (tổng lần 7 là 50.000.000 đồng), chuyển khoản cho Tr 80.000.000 đồng.

Sau khi gia đình chị Như chuyển tiền vào tài khoản của Nguyễn Cát Thì Th đã bảo Th chuyển khoản cho Trần Thị Phương Tr, tổng số tiền là 250.000.000 đồng từ ngày 31/10/2019 đến ngày 18/12/2019, cụ thể:

Lần 1: Ngày 31/10/2019, Th chuyển khoản số tiền 100.000.000 đồng đến số tài khoản 03101016931151 ngân hàng MSB của Trần Thị Phương Tr.

Lần 2: Ngày 01/11/2019, Th chuyển khoản số tiền 30.000.000 đồng đến số tài khoản 44010000561416 mở tại Ngân hàng BIDV của Trần Thị Phương Tr.

Lần 3: Ngày 07/11/2019, Th chuyển khoản số tiền 20.000.000 đồng đến số tài khoản BIDV của Trần Thị Phương Tr.

Lần 4: Ngày 20/11/2019, Th chuyển khoản số tiền 100.000.000 đồng vào tài khoản BIDV của Trần Thị Phương Tr.

Tổng số 4 lần, Th chuyển khoản cho Trần Thị Phương Tr tổng số tiền là 250.000.000 đồng.

Ngoài ra, sau khi nhận tiền qua tài khoản chị Ng và nhận trực tiếp từ chị Nh (lần thứ 7) số tiền 50.000.000 đồng thì Th đã đưa cho chị Tr số tiền 50.000.000 đồng này tại Cao Bằng. Cả Th và chị Tr đều thừa nhận về việc đưa số tiền này.

Như vậy, chị Trần Thị Phương Tr đã nhận của gia đình chị Nguyễn Quỳnh Nh tổng số là 380.000.000 đồng, trong đó, chị Nguyễn Quỳnh Nh đã chuyển thẳng số tiền 80.000.000 đồng từ tài khoản chị Nh ngày 01/11/2019, Th đưa chị Tr trực tiếp số tiền 50.000.000 đồng và Th chuyển khoản cho chị Tr số tiền 250.000.000 đồng. Còn lại số tiền 350.000.000 đồng tiền chuyển khoản vào tài khoản của Th.

Đối với số tiền 350.000.000 đồng nêu trên, Th sử dụng 150.000.000 đồng để cùng Th đặt cọc, mua xe ô tô BKS 29C-817.16, nhãn hiệu Chevrolet, số loại Colorado, màu trắng, loại xe tải Pickup kép đăng ký tên Nguyễn Cát Th, Cơ quan điều tra đã thu giữ chiếc xe này. Th khai đưa trực tiếp cho chị Tr số tiền 50.000.000 đồng tại văn phòng công ty Luật Khởi B ở Quảng N. Tuy nhiên, chị Tr không thừa nhận, khi đưa không có giấy tờ gì và không ai biết nên không có căn cứ để xác định Th đã đưa chị Tr số tiền này. Th khai đưa cho anh Đình Công V - sinh năm 1989, ở khu Hòa Lạc, phường Cẩm P, thành phố Quảng N, tỉnh Quảng N số tiền 70.000.000 đồng tiền mặt, Cơ quan điều tra xác định đây là khoản tiền vay mượn giữa anh Văn và Th, không phải là tiền chạy án. Ngoài lời khai của Th thì không có tài liệu nào khác để chứng minh.

Đến thời điểm Th bị bắt ngày 06/01/2020 thì tiền của gia đình chị Nh chuyển vào tài khoản của Th còn lại 200.000.000 đồng. Cơ quan điều tra đã sao kê tài khoản Ngân hàng của Th xác định Thành đã chi tiêu cá nhân hết.

Quá trình điều tra xác định khi mượn tài khoản của Th để cho gia đình chị Nh chuyển tiền thì Th không nói cho Thành biết, lần đầu chuyển tiền ghi tên người chuyển là Phạm Minh T, còn lại từ lần thứ 2 đều có ghi nội dung chuyển khoản cho Trần Lê H. Sau khi nhận được tiền 150.000.000 đồng của anh T thì Th mới nói cho Th biết là nhận tiền để chạy án cho gia đình chị Nh nên kể từ lần thứ hai gia đình chị Nh chuyển tiền vào tài khoản của mình thì Th đã biết là Th nhận tiền để “chạy án” cho gia đình chị Nh.

Tại Cơ quan điều tra Trần Thị Phương Tr khai nhận, bản thân là Phó giám đốc công ty Luật, việc chạy án chỉ là ngôn ngữ của những người không hiểu biết pháp luật, còn đối với Tr là việc vận dụng pháp luật, kể cả các mối quan hệ, tư vấn pháp luật để tìm tình tiết giảm nhẹ, xin giảm nhẹ hình phạt cho thân chủ, việc Tr thu tiền của Th là tiền thù lao, tiền công của Tr khi thực hiện giao dịch giữa Tr, Th và gia đình thân chủ. Sau khi trao đổi với Th thì Tr cũng nói cho Th biết là anh H không tại ngoại được. Tr có đưa cho Th Hợp đồng dịch vụ pháp lý nhưng Th không

ký. Th cũng khai nhận nội dung này. Lý do việc không ký hợp đồng thì Th có thay đổi lời khai, có lúc Th khai nhận do không nhờ Tr tư vấn, trợ giúp pháp luật mà chỉ là “chạy án”, có lúc Th khai nhận là nhờ Tr xin giảm án, giảm nhẹ hình phạt cho anh H, có lúc Th lại khai nhận là do tin tưởng Tr và Tr hứa nếu không giúp được thì Tr sẽ trả lại toàn bộ tiền cho Th nên Th tin lời Tr và không ký hợp đồng, vẫn bản thỏa thuận gì. Đối với gia đình chị Như cũng không có hiểu biết pháp luật, chỉ biết tin lời Th là có mối quan hệ và xin cho H được giảm án, được về, không hiểu thế nào là chạy án, là bào chữa. Khi Th nhận toàn bộ số tiền 730.000.000 đồng và Tr nhận được tổng số 380.000.000 đồng thì Tr cũng không biết gia đình nhà chị Như, không biết việc thỏa thuận giữa Th và gia đình chị Nguyễn Quỳnh Nh là như thế nào.

Sau khi nhận được tiền từ gia đình nhà chị Nguyễn Quỳnh Nh thì Th có nói cho Như biết là nhờ Tr lo việc giúp. Bản thân Tr đã liên hệ với Công an tỉnh Cao B, giúp gia đình nhà chị Nh được thăm gặp anh Trần Lê H tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao B.

Đến ngày 06/01/2020, Th bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Đoan H, tỉnh P bắt giữ, khởi tố về tội Buôn bán hàng cấm thì gia đình chị Nh không liên hệ được với Th nữa nên chị Nh liên lạc với Tr để nhờ giúp đỡ. Ngày 28/5/2020, tại phiên tòa xét xử Lê Lê Th về tội buôn bán hàng cấm của Tòa án nhân dân huyện Đoan H, tỉnh P thì Trần Thị Phương Tr mới gặp gia đình nhà chị Nh. Khi đó, Tr mới biết nội dung thỏa thuận, chuyển nhận tiền giữa Th và gia đình chị Nh. Tr được biết Th nhận nhiều tiền của gia đình chị Nh nên đã hướng dẫn cho gia đình chị Nh làm đơn tố giác đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P để yêu cầu Lê Lê Th và Nguyễn Cát Tr trả lại tiền. Đồng thời, chị Nguyễn Quỳnh Nh và Tr đã ký kết hợp đồng ủy quyền đề ngày 19/12/2019, với nội dung chị Nguyễn Quỳnh Nh ủy quyền cho cá nhân Tr đại diện cho mình tham gia giải quyết vụ án của anh Trần Lê H, trị giá hợp đồng là 260.000.000 đồng, nhưng hợp đồng lại ghi giá trị 280.000.000 đồng; Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 03 đề ngày 28/5/2020 và Hợp đồng ủy quyền đề ngày 28/5/2020 giữa chị Nh với Công ty Luật Khởi B, nội dung là Công ty Luật Khởi B, đại diện là Trần Thị Phương Tr, Phó Giám đốc, tư vấn pháp luật, bào chữa cho anh Trần Lê H, ký cả Biên bản thanh lý hợp đồng số 01 ngày 01/11/2020, thanh lý hợp đồng dịch vụ pháp lý số 03 nêu trên. Kể từ thời điểm này, Tr trực tiếp liên lạc, trao đổi thỏa thuận với gia đình nhà chị Nh các nội dung liên quan đến vụ án của anh Trần Lê H.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh P tiến hành xác minh tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh và Tòa án nhân dân tỉnh Cao B, xác định quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự vụ án Buôn bán hàng cấm có liên quan đến chị Nguyễn Quỳnh Nh và anh Trần Lê H đảm bảo khách quan theo đúng quy định của pháp luật, không có tổ chức, cá nhân nào đến liên hệ xin “chạy án” cho anh Trần Lê H. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án đó thì Tr có liên hệ với Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán thụ lý giải quyết để hỏi nội dung vụ án, quá trình giải quyết vụ án đang ở giai đoạn nào, đã chuyển hồ sơ để xét xử hay

chưa. Khi liên lạc, Tr đều giới thiệu với những người này mình là người nhà của anh Trần Lê H. Tr cũng đã ký đại diện công ty Luật Khởi B với Văn phòng luật sư Lưu Đức Q ở khu 3, phường Trưng Vương, thành phố Uông B, tỉnh Quảng N, hợp đồng dịch vụ pháp lý số 01 ngày 02/01/2019 để thuê văn phòng này tư vấn đối với các vụ án mà công ty Luật Khởi B cần, bởi bản thân Tr không có chứng chỉ luật sư. Sau khi nhận tiền của Th thì Tr đã chuyển 20.000.000 đồng để văn phòng luật sư Lưu Đức Q cử luật sư bào chữa cho anh Trần Lê H khi cần thiết. Ngoài ra, Tr còn chuyển về công ty Luật Khởi B số tiền 20.000.000 đồng.

Trần Thị Phương Tr khai nhận, ở giai đoạn điều tra khó tiếp cận hồ sơ vụ án, khi hồ sơ vụ Trần Lê H chuyển sang giai đoạn truy tố và xét xử thì gia đình nhà Như không yêu cầu Tr thực hiện hợp đồng nữa nên hai bên thanh lý hợp đồng dịch vụ pháp lý. Ngày 12/01/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Cao B đã xét xử vụ án, tuyên án đối với Như và H.

Quá trình điều tra vụ án của anh Trần Lê H đến ngày 30/7/2020 thì chị Nguyễn Quỳnh Nh bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Cao B ra Quyết định khởi tố bị can về tội Buôn bán hàng cấm theo quy định tại khoản 3 Điều 190 Bộ luật hình sự vì đồng phạm với anh Trần Lê H, đến ngày 04/8/2020, chị Nh bị bắt tạm giam để phục vụ điều tra.

Ngày 05/8/2020, bà Cao Thị Trà M, sinh năm 1974, ở thôn Vân Cương 2, xã Hợp Nhất, huyện Đoan H, là mẹ đẻ của chị Nh xem điện thoại của chị Nh và lấy số điện thoại của Tr để liên lạc nhờ Tr xin giảm án cho chị Nh. Bà M đến gặp Tr tại chi nhánh công ty Luật Khởi B ở Quảng N và thống nhất, thỏa thuận với Tr xin giảm án cho Nh ở mức 2 đến 3 năm tù và đã đưa cho Tr số tiền 10.000.000 đồng đặt cọc.

Ngày 18/9/2020, tại nhà bà M, Tr và bà M đã ký hợp đồng ủy quyền đề ngày 18/9/2020, với nội dung bà M ủy quyền cho Tr tham gia giải quyết vụ việc của chị Nh, xin cho chị Nh được tại ngoại và giảm mức hình phạt, thù lao là 200.000.000 đồng. Sau đó, ngày 16/12/2020, Tr đưa cho bà M ký lại hợp đồng dịch vụ pháp lý số 05 đề ngày 18/9/2020, ký giữa bà M và Công ty Luật Khởi B do Tr đại diện, tư vấn pháp luật, bào chữa cho chị Nh với thù lao là 200.000.000 đồng và Biên bản thanh lý hợp đồng đề ngày 01/11/2020, dừng việc xin giảm án cho H và Nh kể từ ngày 16/12/2020.

Sau đó, bà M đưa tiếp cho Tr 90.000.000 đồng tiền mặt. Tr nhiều lần giục bà My chuyển tiền qua cuộc gọi điện thoại và tin nhắn zalo để Tr xin giảm án cho chị Nh. Ngày 08/10/2020, khi bà M đi cùng Tr đến Cao B để thăm gặp Nh thì bà M có đưa tiếp cho Tr 40.000.000 đồng, không viết giấy tờ. Tổng Tr đã nhận của bà M là 140.000.000 đồng. Thời gian chị Như bị tạm giam thì Tr và bà Nh có gọi điện thoại, nhắn tin, Tr giục bà M chuyển tiền cho Tr. Đến ngày 28/10/2020, theo quy định của pháp luật thì Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao B thay thế biện pháp tạm giam sang biện pháp bảo lãnh đối với chị Nh, không phải do Tr hay cá nhân, tổ chức nào tác động. Bà M yêu cầu Tr trả tiền vì chị Nh được tại ngoại theo quy định

mà Tr không có giúp đỡ gì nên đã yêu cầu Tr trả 40.000.000 đồng. Cùng ngày 28/10/2020, Tr đã trả cho bà M số tiền 40.000.000 đồng. Sau đó, bà M yêu cầu Tr trả tiền cho mình. Ngày 16/12/2020, Tr trả lại cho bà M 60.000.000 đồng, ngày 18/11/2021 trả 20.000.000 đồng, còn lại số tiền 20.000.000 đồng bà M cho Tr chi phí đi lại.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định thời điểm viết, ký đối với các hợp đồng, biên bản thanh lý hợp đồng nêu trên xác định: Tại Công văn số 276/C09-P5, ngày 05/02/2021, Viện khoa học hình sự Bộ Công an trả lời: “Hiện nay Viện khoa học hình sự chưa giải quyết được các yêu cầu về giám định thời điểm viết và ký trên tài liệu.

Cơ quan điều tra đã thu giữ điện thoại Iphone 11 của Trần Thị Phương Tr sử dụng để liên lạc với gia đình chị Nh và yêu cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh P phục hồi, tìm kiếm dữ liệu điện tử nhưng không có thông tin, dữ liệu gì liên quan đến vụ án.

Cơ quan điều tra thu giữ điện thoại di động của bà Cao Thị Trà M và chị Nguyễn Quỳnh Nh, thể hiện nội dung tin nhắn giữa Tr và bà M có liên quan đến vụ án. Tuy nhiên, Tr khai nhận đây là việc Tr giải thích về việc làm việc với các Cơ quan tố tụng trong vụ án của H, không phải là chạy án, còn tiền Tr yêu cầu bà M đưa là tiền thù lao, chi phí của Tr.

Lê Lê Thvà Nguyễn Cát Tđã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Th đã hai lần bị kết án, chưa được xóa án tích lại phạm tội mới. Tuy nhiên, ở lần phạm tội này, Th thực hiện hành vi phạm tội ngày 31/10/2019 trước ngày Bản án số 26 ngày 28/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đoan H xét xử Lê Lê Thvề tội Buôn bán hàng cấm, có hiệu lực pháp luật. Do vậy, Th phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm.

Nguyễn Cát Tcung cấp tài khoản của mình để Th bảo gia đình chị Nh chuyển tiền. Đối với lần đầu tiên gia đình chị Nh chuyển khoản ngày 31/10/2019, số tiền là 150.000.000 đồng thì Th không biết đây là tiền gì nên Th không phải chịu trách nhiệm hình sự về khoản tiền này. Tuy nhiên, sau khi nhận được 150.000.000 đồng, Th đã nói và Thành biết rõ Th mượn tài khoản để cho Nh chuyển tiền xin chạy án, mỗi lần chuyển tiền cả Th và Th đều trao đổi với nhau là tiền của Nh chuyển. Nội dung chuyển tiền đều ghi Trần Lê H chuyển tiền. Th có sử dụng tin nhắn Banking nên mỗi lần nhận, chuyển tiền thì đều có tin nhắn báo. Th cùng với Th sử dụng số tiền này để chi tiêu và đặt cọc mua xe ô tô. Mặc dù, khi gia đình chị Nh chuyển tiền lần đầu ngày, số tiền 150.000.000 đồng, cùng ngày Th bảo Th chuyển cho Tr 100.000.000 đồng, còn lại 50.000.000 đồng vẫn trong tài khoản của Th và đã chi tiêu sau đó. Do vậy, không buộc Th phải biết và phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi đồng phạm với Th khoản 150.000.000 đồng. Th phải chịu trách nhiệm hình sự đồng phạm với Th với số tiền chiếm đoạt là 200.000.000 đồng.

Đối với Trần Thị Phương Tr: Tr có nhận từ Th qua chuyển khoản của Th số tiền 250.000.000 đồng và nhận của Nh chuyển khoản số tiền 80.000.000 đồng, Th

đưa trực tiếp số tiền 50.000.000 đồng, tổng Tr nhận là 380.000.000 đồng. Lời khai của Nh thay đổi, lúc đầu Nh khai không biết Tr, chỉ biết chuyển tiền cho Th và theo sự chỉ đạo của Th, việc xin chạy án gồm xin tại ngoại, xin án treo, xin hoãn và miễn thi hành án, sau thay đổi là chỉ xin Tr giảm nhẹ hình phạt. Nh và Tr có ký hợp đồng dịch vụ pháp lý vào ngày 28/5/2020, là ngày Th bị xét xử tại Tòa án huyện Đoan H, trong khi đó việc gặp gỡ chuyển tiền xảy ra vào cuối năm 2019. Lời khai của Th cũng nhiều lần thay đổi là Tr có đưa hợp đồng này cho Th nhưng Th thấy không đúng những gì đã thỏa thuận giữa Th và Tr nên Th không ký, sau lại khai nhận là do tin tưởng Tr nên không ký. Lời khai của bà S và bà M xác định là nhờ Tr để giúp đỡ xin giảm án cho H và Nh, còn Tr làm thế nào thì không biết. Mặt khác, Tr cũng thừa nhận là có nhận tiền, giúp đỡ cho gia đình Nh về tư vấn pháp luật; Tr làm việc ở công ty Luật Khởi B, việc tư vấn pháp luật, giúp đỡ khách hàng trong việc tham gia tố tụng là giao dịch dân sự, không nhất thiết phải lập hợp đồng tư vấn dịch vụ pháp lý ngay. Tr đã giúp đỡ cho gia đình chị Nh làm đơn xin thăm gặp, hỏi và tư vấn cho gia đình Nh, kể cả việc hướng dẫn, giúp đỡ gia đình Nh đòi lại tiền của Th, Th sau khi gặp và biết việc trao đổi của Th với gia đình chị Nh. Đối với việc nhận khoản tiền 140.000.000 đồng của bà M khi Nhu bị Cơ quan điều tra tỉnh Cao B, bắt, khởi tố, xác định đây là giao dịch dân sự. Đối với công ty Luật Khởi B xác định Tr có quyền thống nhất, tự thỏa thuận với khách hàng nhưng phải nộp về công ty theo tỷ lệ % ứng trước của khách. Tuy nhiên, theo quy định, điều lệ của công ty cũng không quy định rõ thời điểm phải nộp các khoản tiền này. Do vậy, không có căn cứ để xử lý đối với Trần Thị Phương Tr.

Khai thác điện thoại Iphone 8 plus của chị Nh có file ghi âm chị Nh, bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1959 và ông Trần Văn M, sinh năm 1960 ở xã Ngọc Quan, huyện Đoan H là bố mẹ của anh Trần Lê H nói chuyện với Lê Lê Th và Phan Văn T, sinh năm 1991 ở khu 1, xã Ngọc Quan, nội dung cuộc thoại có liên quan đến việc chạy án cho anh H, trong đó có lời nói của T như: “Bây giờ bọn cháu cũng muốn cho nó xong nhanh thôi, càng sớm càng tốt cô ạ”; “Giờ ở giữa bọn cháu cũng rất khó...”. Ngoài ra, T còn là lái xe cùng với bạn gái và Th, Th đến công ty Luật Khởi B và đi chơi ở Quảng N. Tại Cơ quan điều tra Phan Văn T khai nhận là lái xe đi cùng Th, khi thấy Th nói chuyện thì cũng tham gia nói những câu trên, T không biết rõ việc trao đổi giữa Th và gia đình Nh, T cũng không được hưởng lợi ích gì từ việc chạy án của Th nên không có căn cứ để xử lý T.

Đối với anh Đinh Công V, quá trình điều tra xác định anh V có quan hệ quen biết với Lê Lê Th và Trần Thị Phương Tr. Anh V không liên quan đến việc giữa Tr, Th và việc của gia đình chị Nh, không nhận khoản tiền nào của Th, cũng không có tác động gì đến các Cơ quan tố tụng của tỉnh Cao B trong vụ án của anh Trần Lê H. Do vậy, không có căn cứ để xử lý đối với anh V.

Đối với anh Phạm Minh T là chồng của Th và chị Lê Thị Hằng Ng là em gái của Th, việc anh T chuyển tiền cho Th và chị Nh chuyển khoản cho Ng đều không biết việc Th làm và không liên quan đến Th nên không xử lý.

Đối với gia đình chị Nguyễn Quỳnh Nh, do không có hiểu biết pháp luật về trình tự thủ tục tố tụng, chỉ có mong muốn là xin giảm nhẹ hình phạt cho Nh và H nên khi Th đưa ra thông tin để chạy án thì không hiểu và không biết Th sẽ làm như thế nào, do vậy không có căn cứ xử lý.

** Vật chứng, tài liệu, tài sản đã thu giữ:*

Cơ quan điều tra đã tạm giữ của Nguyễn Cát T01 xe ô tô biển kiểm soát 29C-817.16 nhãn hiệu Chevrolet, màu trắng, xe tải đã qua sử dụng, đây là xe Th sử dụng tiền của gia đình chị Nh chuyển để đặt cọc mua; 01 điện thoại Samsung S20 màu xanh; 01 ví giả da màu đen, trong có 660.000 đồng; 01 chứng minh thư nhân dân số 012773963, 01 căn cước công dân số 001088029312, 01 giấy phép lái xe số 010180112439, 01 giấy phép lái xe, 06 thẻ ngân hàng đều mang tên Nguyễn Cát Th, giấy biên nhận thế chấp xe ô tô biển 29C-817.16 của Ngân hàng VIB, bản sao chứng nhận đăng ký xe, giấy chứng nhận kiểm định; 01 quyển sổ Tr bìa ghi chữ “Sổ Bensbagy Mai+ Trưởng”, là sổ bán hàng của Thành và vợ, không liên quan đến vụ án. Xe ô tô biển kiểm soát 29C-817.16, Thành đã thế chấp vay tiền tại ngân hàng VIB chi nhánh Sở giao dịch, Phòng giao dịch Hồ Gươm ngày 20/11/2019 để vay số tiền 300.000.000 đồng. Thành vi phạm hợp đồng tín dụng, không trả lãi cho Ngân hàng nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho Ngân hàng VIB ngày 07/12/2021. Cơ quan điều tra đã trả lại quyển sổ bán hàng cho chị Đào Thanh T là vợ của Nguyễn Cát Th.

Thu của Trần Thị Phương Tr: điện thoại di động Iphone 11 màu xanh, không có sim, đây là điện thoại Tr sử dụng liên lạc với Th.

Thu của chị Nguyễn Quỳnh Nh 01 điện thoại di động Iphone 8 plus màu trắng, số seri FDCVV21ZJCMO.

Thu của Phan Văn T 01 điện thoại Vsmart Joy 3, kèm sim, mặt kính cường lực màn hình bị đập vỡ ở góc trái. Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh T, nhận lại và không có đề nghị gì.

**Về trách nhiệm dân sự:*

Anh Phan Văn T là bạn của Th đã khắc phục cho Th số tiền 70.000.000 đồng trả cho Nguyễn Thị S, anh T không yêu cầu Th phải trả khoản tiền này;

Chị Đào Thanh T, sinh năm 1993 ở thôn Phúc Thọ, xã Mai Lâm, huyện Đông A là vợ của Th đã khắc phục số tiền 280.000.000 đồng để trả cho gia đình chị Nh.

Trần Thị Phương Tr đã trả cho bà M số tiền 120.000.000 đồng, còn lại 20.000.000 đồng bà S trừ cho Tr chi phí đi lại; Tr trả cho bà S số tiền 365.000.000 đồng, còn lại 15.000.000 đồng bà S trừ cho Tr chi phí đi lại.

Đến nay, gia đình bị hại đã nhận lại toàn bộ tiền, không yêu cầu bồi thường gì khác và có đơn đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho Th và T.

Điều kiện kinh tế: Bị cáo Lê Lê Th và Nguyễn Cát T không có tài sản gì ngoài đồ dùng sinh hoạt thiết yếu.

Cáo trạng số 06/CT-VKSPT-P2 ngày 14/01/2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P truy tố bị cáo Lê Lê Th và Nguyễn Cát T phạm tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện VKSND tỉnh P giữ nguyên truy tố về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo Lê Lê Th và Nguyễn Cát T, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Lê Lê Th và Nguyễn Cát T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55; khoản 1 Điều 56; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Lê Th.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Cát T.

Xử phạt bị cáo Lê Lê Th 7 năm 6 tháng tù đến 8 năm tù. Tổng hợp với hình phạt 11 năm 3 tháng tù và phạt bổ sung 10.000.000đ của Bản án số 26/2020/HS-ST ngày 28/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đoan H, tỉnh P. Buộc bị cáo Lê Lê Th phải chấp hành hình phạt tù chung là 18 năm 09 tháng đến 19 năm 03 tháng tù; phạt bổ sung 10.000.000đ. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 03/02/2021.

Bị cáo được trừ đi thời gian đã chấp hành hình phạt tù của Bản án số 26/2020/HS-ST ngày 28/5/2020 của Tòa án nhân dân Huyện Đoan H, tỉnh P từ ngày 26/02/2020 đến ngày 02/02/2021 và thời gian đã bị tạm giữ của Bản án số 42/2019/HSST ngày 02/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang từ ngày 06/01/2019 đến ngày 09/01/2019.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Cát T 5 năm đến 5 năm 6 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 13/01/2021.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 579, khoản 1 Điều 584 Bộ luật Dân sự.

Xác nhận các bị cáo, gia đình các bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã bồi thường xong cho gia đình người bị hại.

- Về xử lý vật chứng:

Căn cứ điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước của bị cáo Nguyễn Cát T01 điện thoại Samsung S20 màu xanh; Imei1: 355362111725607; Imei2: 355363111725605.

- Trả lại cho bị hại chị Nguyễn Quỳnh Nh 01 điện thoại di động Iphone 8 plus màu trắng, số seri FDCVV21ZJCMO.

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Phương Tr 01 điện thoại di động Iphone 11 màu xanh, số seri C7CCQMZ7N72L; Imei1: 352895114192039; Imei2: 352895114172767.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Cát T01 ví giả da màu đen; 660.000đồng (Sáu trăm sáu mươi nghìn đồng); 01 chứng minh thư nhân dân số 012773963; 01 căn cước công dân số 001088029312; 01 giấy phép lái xe số 010180112439; 01 giấy phép lái xe; 06 thẻ ngân hàng đều mang tên Nguyễn Cát Tnhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

- Xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh P đã trả lại 01 điện thoại Vsmart Joy 3, kèm sim, mặt kính cường lực màn hình bị đập vỡ ở góc trái cho chủ sở hữu anh Phan Văn T theo Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu do Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh P lập ngày 28/12/2021 lưu trong hồ sơ là hợp pháp.

- Xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh P đã trả lại 01 quyển sổ Tr bì ghi chữ “Sổ Bensbagy Mai+ Trưởng” là sổ bán hàng của bị cáo Thành và vợ cho chủ sở hữu chị Đào Thanh T theo Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu do Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh P lập ngày 27/12/2021 lưu trong hồ sơ là hợp pháp.

- Xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh P đã trả lại 01 xe ô tô biển kiểm soát 29C-817.16 nhãn hiệu Chevrolet, màu trắng, xe tải đã qua sử dụng cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam VIB do ông Lê Anh Ngọc cHên viên chính Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam VIB nhận theo Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu do Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh P lập ngày 08/12/2021 lưu trong hồ sơ là hợp pháp.

- Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Lê Thvà Nguyễn Cát T. Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có lời bào chữa nào khác, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu thu giữ được. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Trong khoảng thời gian từ ngày 31/10/2019 đến ngày 18/12/2019, với thủ đoạn là “chạy án”, tức là dùng tiền, quan hệ để tác động đến những người có chức năng, nhiệm vụ của tỉnh Cao Bằng trong việc giải quyết vụ án của anh Trần Lê H và chị Nguyễn Quỳnh Nh, Lê Lê Th đã nhận mình có mối quan hệ tác động được đến những người này, Th đã hứa hẹn và lấy lòng tin của gia đình chị Như. Gia đình chị Như đã chuyển cho Th tổng số là 730.000.000 đồng, Th đã chuyển cho Trần Thị Phương Tr là Phó giám đốc công ty Luật số tiền là 380.000.000 đồng, còn lại số tiền 350.000.000 đồng, Th cùng T sử dụng, chi tiêu cá nhân. Do vậy, Th phải chịu trách nhiệm hình sự với số tiền chiếm đoạt là 350.000.000 đồng.

Nguyễn Cát T đưa tài khoản của mình cho Th để gia đình Như chuyển tiền. T biết rõ Th không có chức trách, nhiệm vụ, không có khả năng tư vấn pháp luật nhưng vẫn nhận tiền để “chạy án” của Th. Tuy nhiên, thời điểm T biết rõ là sau khi nhận số tiền 150.000.000 đồng của anh T chuyển khoản. Do vậy, Nguyễn Cát T phải chịu trách nhiệm hình sự đồng phạm với Lê Lê Th về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, với số tiền là 200.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Lê Lê Th và Nguyễn Cát T đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P truy tố là đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội. Bản thân các bị cáo có hiểu biết xã hội, hoàn toàn nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện nên cần xử lý nghiêm để giáo dục riêng các bị cáo và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[3] Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để có một mức án tương xứng với hành vi mà các bị cáo đã gây ra.

Vụ án có tính chất đồng phạm trong đó bị cáo Lê Lê Th có vai trò chủ mưu, là người chỉ đạo bị cáo Nguyễn Cát T trong việc nhận tiền, chuyển tiền, bị cáo T đồng phạm với bị cáo Th với vai trò là người giúp sức.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo Lê Lê Th: Trước lần phạm tội này bị cáo đã có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Cát T: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nên bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả toàn bộ thiệt hại cho người bị hại; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đủ điều kiện áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp đường lối xét xử hình sự và chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Xem xét hành vi của một số người liên quan tới vụ án:

Đối với Trần Thị Phương Tr: Tr có nhận từ Th qua chuyển khoản của T số tiền 250.000.000 đồng và nhận của Nh chuyển khoản số tiền 80.000.000 đồng, Th đưa trực tiếp số tiền 50.000.000 đồng, tổng Tr nhận là 380.000.000 đồng. Lời khai của Nh thay đổi, lúc đầu Nh khai không biết Tr, chỉ biết chuyển tiền cho Th và theo sự chỉ đạo của Th, việc xin chạy án gồm xin tại ngoại, xin án treo, xin hoãn và miễn thi hành án, sau thay đổi là chỉ xin Tr giảm nhẹ hình phạt. Nh và Tr có ký hợp đồng dịch vụ pháp lý vào ngày 28/5/2020, là ngày Th bị xét xử tại Tòa án Hện Đoan H, trong khi đó việc gặp gỡ chHển tiền xảy ra vào cuối năm 2019. Lời khai của Th cũng nhiều lần thay đổi là Tr có đưa hợp đồng này cho Th nhưng Th thấy không đúng những gì đã thỏa thuận giữa Th và Tr nên Th không ký, sau lại khai nhận là do tin tưởng Tr nên không ký. Lời khai của bà S và bà M xác định là nhờ Tr để giúp đỡ xin giảm án cho H và Nh, còn Tr làm thế nào thì không biết. Mặt khác, Tr cũng thừa nhận là có nhận tiền, giúp đỡ cho gia đình Nh về tư vấn pháp luật; Tr làm việc ở công ty Luật Khởi B, việc tư vấn pháp luật, giúp đỡ khách hàng trong việc tham gia tố tụng là giao dịch dân sự, không nhất thiết phải lập hợp đồng tư vấn dịch vụ pháp lý ngay. Tr đã giúp đỡ cho gia đình chị Nh làm đơn xin thăm gặp, hỏi và tư vấn cho gia đình Nh, kể cả việc hướng dẫn, giúp đỡ gia đình Nh đòi lại tiền của Th, Tsau khi gặp và biết việc trao đổi của Th với gia đình chị Nh. Đối với việc nhận khoản tiền 140.000.000 đồng của bà M khi Nhu bị Cơ quan điều tra tỉnh Cao B, bắt, khởi tố, xác định đây là giao dịch dân sự. Đối với công ty Luật Khởi B xác định Tr có quyền thống nhất, tự thỏa thuận với khách hàng nhưng phải nộp về công ty theo tỷ lệ % ứng trước của khách. Tuy nhiên, theo quy định, điều lệ của công ty cũng không quy định rõ thời điểm phải nộp các khoản tiền này. Do vậy, không có căn cứ để xử lý đối với Trần Thị Phương Tr.

Đối với Phan Văn T: Khai thác điện thoại Iphone 8 plus của chị Nh có file ghi âm chị Nh, bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1959 và ông Trần Văn M - sinh năm 1960 ở xã Ngọc Quan, huyện Đoan H là bố mẹ của anh Trần Lê H nói chuyện với

Lê Lê Th và Phan Văn T, sinh năm 1991 ở khu 1, xã Ngọc Quan, nội dung cuộc thoại có liên quan đến việc chạy án cho anh H, trong đó có lời nói của T như: “Bây giờ bọn cháu cũng muốn cho nó xong nhanh thôi, càng sớm càng tốt cô ạ”; “Giờ ở giữa bọn cháu cũng rất khó...”. Ngoài ra, T còn là lái xe cùng với bạn gái và Th, T đến công ty Luật Khởi B và đi chơi ở Quảng N. Tại Cơ quan điều tra Phan Văn T khai nhận là lái xe đi cùng Th, khi thấy Th nói chuyện thì cũng tham gia nói những câu trên, T không biết rõ việc trao đổi giữa Th và gia đình Nh, T cũng không được hưởng lợi ích gì từ việc chạy án của Th nên không có căn cứ để xử lý T.

Đối với anh Đinh Công V, quá trình điều tra xác định anh V có quan hệ quen biết với Lê Lê Th và Trần Thị Phương Tr. Anh V không liên quan đến việc giữa Tr, Th và việc của gia đình chị Nh, không nhận khoản tiền nào của Th, cũng không có tác động gì đến các Cơ quan tố tụng của tỉnh Cao B trong vụ án của anh Trần Lê H. Do vậy, không có căn cứ để xử lý đối với anh V.

Đối với anh Phạm Minh T là chồng của Th và chị Lê Thị Hằng Ng là em gái của Th, việc anh T chuyển tiền cho T và chị Nh chuyển khoản cho Ng đều không biết việc Th làm và không liên quan đến Th nên không xử lý.

Đối với gia đình chị Nguyễn Quỳnh Nh, do không có hiểu biết pháp luật về trình tự thủ tục tố tụng, chỉ có mong muốn là xin giảm nhẹ hình phạt cho Như và H nên khi Th đưa ra thông tin để chạy án thì không hiểu và không biết Th sẽ làm như thế nào, do vậy không có căn cứ xử lý.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình giải quyết vụ án : Anh Phan Văn T là bạn của Th đã khắc phục cho Th số tiền 70.000.000 đồng trả cho Nguyễn Thị S, anh T không yêu cầu Th phải trả khoản tiền này; Chị Đào Thanh T là vợ của T đã khắc phục số tiền 280.000.000 đồng để trả cho gia đình chị Nh; chị Trần Thị Phương Tr đã trả cho bà My số tiền 120.000.000 đồng, còn lại 20.000.000 đồng bà S trừ cho Tr chi phí đi lại; chị Trần Thị Phương Tr trả cho bà S số tiền 365.000.000 đồng, còn lại 15.000.000 đồng bà S trừ cho Tr chi phí đi lại. Gia đình bị hại đã nhận lại toàn bộ tiền, không yêu cầu bồi thường gì khác. Do vậy, cần xác nhận bị cáo, gia đình bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã bồi thường xong cho gia đình bị hại.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước của bị cáo Nguyễn Cát T01 điện thoại Samsung S20 màu xanh; Imei1: 355362111725607; Imei2: 355363111725605.

- Trả lại cho bị hại chị Nguyễn Quỳnh Nh 01 điện thoại di động Iphone 8 plus màu trắng, số seri FDCVV21ZJCMO

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Phương Tr 01 điện thoại di động Iphone 11 màu xanh, số seri C7CCQMZ7N72L; Imei1: 352895114192039; Imei2: 352895114172767.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Cát T01 ví giả da màu đen; 660.000đồng (Sáu trăm sáu mươi nghìn đồng); 01 chứng minh thư nhân dân số 012773963; 01 căn cước công dân số 001088029312; 01 giấy phép lái xe số 010180112439; 01 giấy phép lái xe; 06 thẻ ngân hàng đều mang tên Nguyễn Cát Tnhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

- Xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh P đã trả lại 01 điện thoại Vsmart Joy 3, kèm sim, mặt kính cường lực màn hình bị đập vỡ ở góc trái cho chủ sở hữu anh Phan Văn T theo Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu do Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh P lập ngày 28/12/2021 lưu trong hồ sơ là hợp pháp.

- Xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh P đã trả lại 01 quyển sổ Tr bì a ghi chữ “Sổ Bensbagy Mai+ Trưởng” là sổ bán hàng của bị cáo Thành và vợ cho chủ sở hữu chị Đào Thanh T theo Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu do Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh P lập ngày 27/12/2021 lưu trong hồ sơ là hợp pháp.

- Xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh P đã trả lại 01 xe ô tô biển kiểm soát 29C-817.16 nhãn hiệu Chevrolet, màu trắng, xe tải đã qua sử dụng cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam VIB do ông Lê Anh Ngọc chuyên viên chính Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam VIB nhận theo Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu do Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh P lập ngày 08/12/2021 lưu trong hồ sơ là hợp pháp.

[8]Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P đã đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo và các vấn đề khác trong vụ án phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Các bị cáo, bị hại, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[10] Các quyết định của Cơ quan cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát được thực hiện theo đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự. Điều tra viên, Kiểm sát viên, thực hiện việc điều tra, thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự đã đảm bảo khách quan đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Lê Lệ Thv và Nguyễn Cát Tphạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

[2] Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55; khoản 1 Điều 56; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Lê Th.

Xử phạt bị cáo Lê Lê Th07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 11 (Mười một) năm 3 (Ba) tháng tù và phạt bổ sung 10.000.000đ (Mười triệu đồng) của Bản án số 26/2020/HS-ST ngày 28/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đoan H, tỉnh P. Buộc bị cáo Lê Lê Th phải chấp hành hình phạt tù chung của hai bản án là 18 (Mười tám) năm 09 (Chín) tháng tù và phạt bổ sung 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 03/02/2021.

Bị cáo được trừ đi thời gian đã chấp hành hình phạt tù của Bản án số 26/2020/HS-ST ngày 28/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đoan H, tỉnh P từ ngày 26/02/2020 đến ngày 02/02/2021 và thời gian đã bị tạm giữ của Bản án số 42/2019/HSST ngày 02/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang từ ngày 06/01/2019 đến ngày 09/01/2019.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Cát T.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Cát T05 (Năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 13/01/2021.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo Lê Lê Th và Nguyễn Cát T.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 579, khoản 1 Điều 584 Bộ luật Dân sự.

Xác nhận các bị cáo, gia đình các bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã bồi thường xong cho gia đình người bị hại.

[4] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước của bị cáo Nguyễn Cát T01 điện thoại Samsung S20 màu xanh; Imei1: 355362111725607; Imei2: 355363111725605.

- Trả lại cho bị hại chị Nguyễn Quỳnh Nh 01 điện thoại di động Iphone 8 plus màu trắng, số seri FDCVV21ZJCMO.

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Phương Tr 01 điện thoại di động Iphone 11 màu xanh, số seri C7CCQMZ7N72L; Imei1: 352895114192039; Imei2: 352895114172767.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Cát T01 ví giả da màu đen; 660.000đồng (Sáu trăm sáu mươi nghìn đồng); 01 chứng minh thư nhân dân số 012773963; 01 căn cước công dân số 001088029312; 01 giấy phép lái xe số 010180112439; 01 giấy phép lái xe; 06 thẻ ngân hàng đều mang tên Nguyễn Cát Tnhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

(Các vật chứng nêu trên có tình trạng theo như biên bản bàn giao cho Cục thi hành án dân sự tỉnh P ngày 17 tháng 01 năm 2022)

- Xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh P đã trả lại 01 điện thoại Vsmart Joy 3, kèm sim, mặt kính cường lực màn hình bị đập vỡ ở góc trái cho chủ sở hữu anh Phan Văn T theo Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu do Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh P lập ngày 28/12/2021 lưu trong hồ sơ là hợp pháp.

- Xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh P đã trả lại 01 quyển sổ Tr bì a ghi chữ “Sổ Bensbagy Mai+ Trưởng” là sổ bán hàng của bị cáo Thành và vợ cho chủ sở hữu chị Đào Thanh T theo Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu do Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh P lập ngày 27/12/2021 lưu trong hồ sơ là hợp pháp.

- Xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh P đã trả lại 01 xe ô tô biển kiểm soát 29C-817.16 nhãn hiệu Chevrolet, màu trắng, xe tải đã qua sử dụng cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam VIB do ông Lê Anh Ngọc cHên viên chính Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam VIB nhận theo Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu do Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh P lập ngày 08/12/2021 lưu trong hồ sơ là hợp pháp.

[5] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Lê Thvà Nguyễn Cát T. Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết ./.

Nơi nhận:

- VKSND, TAND cấp cao tại Hà N;
- VKSND tỉnh P;
- Phòng PC 01, PV06 - CA tỉnh P;
- Sở Tư pháp tỉnh P;
- Cục THADS tỉnh P;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: hồ sơ vụ án, Tòa HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Văn Việt